

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/KDTM-ST

Ngày: 02/6/2023

*“V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thanh Ngọc.

Các hội thẩm dân nhân: Ông Bùi Quang Hợi và ông Đào Đức Phú.

*Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Cường Dũng - Thư ký tòa án nhân dân thành phố
Bắc Ninh.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 02/6/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2023/TLST - KDTM ngày 17 tháng 02 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-KDTM ngày 28/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Hóa chất Công nghiệp T; Địa chỉ: Lô CN07-8 khu công nghiệp Yên Phong (khu mở rộng 314ha), xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Du Juncheng – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Sun Chenglin – Chức vụ: Phó Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Công ty luật TNHH M; Địa chỉ: P1405 tòa nhà B10B, khu đô thị Nam Trung Yên, phường T, quận C, thành phố Hà Nội do ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị Thu P là đại diện tham gia tố tụng (Theo Hợp đồng ủy quyền số 3110/2022/HĐUQ ngày 31/10/2022, có mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp TO; Địa chỉ: Cụm công nghiệp Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị T – chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962; Trú tại: Số 102 khu 3, phường Đáp Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 02/3/2023, có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cùng các lời khai tiếp theo tại tòa án đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn do ông Trần Văn Điệp trình bày:

Ngày 18/01/2022 Công ty TNHH phát triển công nghiệp TOMO Việt Nam (Sau đây gọi tắt là Công ty TO) và Công ty TNHH hóa chất Công nghiệp T (Sau đây gọi tắt là Công ty T) có ký hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 016/2022/HDTH-TM. Cụ thể: Công ty T cung cấp hàng hóa là keo dán các loại cho Công ty TO. Thời gian thanh toán là ngay sau khi nhận được hàng và nhận giấy tờ liên quan bao gồm: Hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu xuất kho hoặc biên bản giao nhận hàng hóa.

Sau khi ký hợp đồng, nguyên đơn tiến hành giao các sản phẩm đúng số lượng và chất lượng theo yêu cầu từng đơn hàng của bị đơn. Bị đơn thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán, thường xuyên vi phạm thời hạn thanh toán. Đến tháng 9/2022 thì nguyên đơn dừng cung cấp hàng hóa cho bị đơn.

Tính từ tháng 02/2022 đến tháng 9/2022 Công ty T đã xuất hoá đơn giá trị gia tăng và gửi cho Công ty TO với tổng số tiền là 3.090.532.809 đồng. Tuy nhiên, Công ty TO không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán của mình khi hợp tác với Công ty T. Tính đến ngày 21/9/2022 Công ty TO mới thanh toán được tổng cộng là 1.430.520.087 đồng. Sau đó, ngày 02/11/2022 Công ty T đã gửi Thư đề nghị cho Công ty TO yêu cầu thanh toán nợ gốc, lãi và bồi thường thiệt hại. Sau đó, phía Công ty TO đã thanh toán toàn bộ số nợ gốc cụ thể:

Ngày 28/11/2022 thanh toán 700.000.000 đồng

Ngày 30/12/2022 thanh toán 300.000.000 đồng

Ngày 15/3/2023 thanh toán 400.000.000 đồng

Ngày 04/4/2023 thanh toán 260.012.722 đồng

Công ty TNHH Thái Hòa đề nghị Tòa án buộc Công ty TO thanh toán tiền lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm kể từ thời điểm vi phạm ngày 07/01/2023 tính đến ngày 04/4/2023 tổng cộng là 124.242.142 đồng và bồi thường thiệt hại số tiền 76.680.000 đồng là chi phí nguyên đơn bỏ ra để thuê dịch vụ tư vấn pháp luật.

Tại đơn trình bày bà Trần Thị T – đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH phát triển công nghiệp TOMO Việt Nam xác nhận Công ty TO và Công ty T có ký hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 016/2022/HDTH-TM ngày 18/01/2022 về việc Công ty TO mua keo dán các loại. Số tiền hàng Công ty đã mua là 3.090.532.811 đồng và Công ty TO vẫn thanh toán tiền mua hàng. Tuy nhiên do Công ty T giao hàng không đảm bảo chất lượng hàng hóa nên dẫn đến việc Công

ty TO không bán được hàng và thanh toán chậm. Đến ngày 04/4/2023 Công ty TO đã thanh toán toàn bộ số tiền hàng còn nợ. Công ty TO không đồng ý thanh toán tiền lãi phạt và bồi thường thiệt hại do Công ty T và Công ty TO chỉ đối chiếu công nợ để thanh toán mà không có biên bản về việc yêu cầu thanh toán lãi phạt và các khoản phát sinh khác.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán kể từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đầu tiên ngày 07/02/2023 đến ngày 04/4/2023, lãi suất 10%/năm là 124.242.142 đồng và rút yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại số tiền 76.680.000 đồng là chi phí nguyên đơn bỏ ra để thuê dịch vụ tư vấn pháp luật. Do trong hợp đồng các bên đã thỏa thuận về việc bị đơn chậm trả tiền hàng thì sẽ phải chịu tiền lãi chậm trả. Và việc giữa hai công ty không lập biên bản đối chiếu công nợ vào ngày 10 hàng tháng do hai công ty là đối tác lâu năm. Tháng 10, 11/2022 phía nguyên đơn đã gửi Công văn, thư đề nghị yêu cầu bị đơn ngoài thanh toán tiền gốc, còn phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 357, 361, 368 Bộ luật dân sự. Đối với biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ do nguyên đơn gửi cho bị đơn tháng 12/2022 thì nguyên đơn còn gửi kèm văn bản của công ty kiểm toán gửi với mục đích phục vụ cho việc kiểm toán cuối năm, bị đơn cũng gửi công văn trả lời xác nhận công nợ nên không thể coi văn bản là xác nhận công nợ giữa hai công ty.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn có mặt không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính tiền lãi chậm trả kể từ thời điểm vi phạm thời hạn thanh toán là ngày 07/02/2022. Nếu tính tiền lãi chậm trả thì đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết tính lãi theo quy định pháp luật. Do nguyên đơn vi phạm về việc giao hàng không chất lượng nên bị đơn mới chậm thanh toán. Ngoài ra, giữa nguyên đơn và bị đơn không lập biên bản chốt công nợ hàng tháng để xác nhận số dư nợ gốc, lãi phạt chậm thanh toán và các khoản phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Phía nguyên đơn vẫn giao hàng cho bị đơn đến tháng 8/2022 và đến tháng 12/2022 gửi cho bị đơn biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ mà không yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán hay khoản phát sinh nào khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng theo Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của nguyên đơn, bị đơn là đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH hóa chất Công nghiệp T về việc yêu cầu Công ty TNHH phát triển công nghiệp TOMO Việt Nam thanh toán tiền lãi chậm trả.

Buộc Công ty TNHH phát triển công nghiệp TOMO Việt Nam phải trả cho Công ty TNHH hóa chất Công nghiệp T số tiền lãi chậm trả là: 14.986.632 đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH hóa chất Công nghiệp T về việc yêu cầu Công ty TNHH phát triển TOMO Việt Nam phải thanh toán tiền bồi thường thiệt hại là 76.680.000 đồng.

Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và kết quả tranh tụng tại Tòa án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp giữa Công ty TNHH hóa chất Thái Hòa và Công ty TNHH phát triển công nghiệp TOMO Việt Nam phát sinh từ hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa ngày 18/01/2022 về việc mua bán hàng hóa là hợp đồng kinh tế. Vì vậy, xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Điều 24 Luật thương mại 2005 nên yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH hóa chất Thái Hòa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là Công ty TNHH phát triển công nghiệp TOMO có trụ sở tại phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện: Công ty TNHH phát triển công nghiệp TOMO đã thanh toán được cho Công ty TNHH hóa chất Thái Hòa số tiền 2.430.520.087 đồng và lần thanh toán cuối cùng là tháng 12/2022. Thời hiệu khởi kiện vụ án tranh chấp thương mại là 02 năm kể từ ngày quyền và lợi ích bị xâm phạm. Ngày 03/02/2023 Công ty TNHH hóa chất Thái Hòa khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo luật định.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về chủ thể:* Xét hợp đồng hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 016/2022/HDTH-TM ngày 18/01/2022 được ký người đại diện theo pháp luật của Công ty T và Công ty TO là những người đủ năng lực dân sự, việc ký hợp đồng là tự nguyện, mục đích hợp đồng không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Vậy, giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai bên theo quy định tại Điều 3, Điều 24 Luật

Thương mại có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành.

[2.2] *Về việc thực hiện hợp đồng:* Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T đã cung cấp đủ số lượng hàng hóa cho Công ty TO có tổng giá trị là 3.090.532.809 đồng. Tất cả các đơn hàng Công ty T đều đã xuất hóa đơn gửi cho Công ty TO. Công ty TO không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì và Công ty TO đã thanh toán cho Công ty T tổng cộng là 2.430.520.087 đồng.

Về việc xác nhận công nợ: Căn cứ biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ của Công ty T xác nhận số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn tính đến hết năm 2022 thì Công ty TO còn nợ Công ty T số tiền nợ gốc là 660.012.722 đồng. Sau khi có biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ thì ngày 15/3/2023, Công ty TO đã thanh toán số tiền 400.000.000 đồng và ngày 04/4/2023 thanh toán số tiền hàng còn nợ là 260.012.722 đồng và được Công ty T thừa nhận. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định Công ty TO đã thanh toán toàn bộ số tiền hàng còn nợ Công ty T. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 06/4/2023 và tại phiên tòa Công ty T chỉ yêu cầu Công ty TO phải thanh toán số tiền lãi chậm trả.

[2.3] *Về yêu cầu tiền lãi chậm trả và bồi thường thiệt hại của Công ty T:* Theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 016/2022/HDTH-TM ngày 18/01/2022 giữa Công ty T và Công ty TO có thỏa thuận về tiền lãi chậm trả. Công ty T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 4 hợp đồng. Theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại thì Công ty T có quyền yêu cầu Công ty TO trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán lãi suất chậm thanh toán là có căn cứ nên được chấp nhận.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán lãi suất chậm trả theo Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là 10%/năm. Xét đây là hợp đồng thương mại nên cần áp dụng Luật thương mại và các văn bản hướng dẫn về Luật thương mại để giải quyết vụ án. Theo Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 thì Công ty TO phải thanh toán lãi suất chậm thanh toán cho Công ty T theo lãi suất quá hạn áp trung bình của 03 Ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán để quyết định mức lãi suất chậm trả. Theo Công văn của Ngân hàng thì lãi suất quá hạn trung bình của ba Ngân hàng cao hơn lãi suất chậm trả mà phía nguyên đơn yêu cầu. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về thời gian tính lãi: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu thời điểm tính lãi kể từ ngày vi phạm thời gian thanh toán là ngay sau khi nhận được hàng và nhận được giấy tờ liên quan đã thỏa thuận trong hợp đồng ngày 07/02/2022.

Xét thấy, theo khoản 4.5 Điều 4 của Hợp đồng thì nguyên đơn bị đơn lập biên bản đối chiếu công nợ, ký xác nhận số dư nợ gốc, lãi phạt chậm thanh toán và các khoản phát sinh nếu có vào ngày 10 của tháng liền kề giao hàng. Tuy nhiên, bị đơn chậm thanh toán kể từ tháng đầu tiên nhưng nguyên đơn không lập biên bản đối chiếu công nợ yêu cầu bị đơn thanh toán lãi phạt chậm thanh toán và vẫn giao hàng cho bị đơn đến tháng 8/2022. Ngoài ra, tại Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ năm 2022 nguyên đơn cũng chỉ xác nhận số tiền phải thu là 3.090.532.809 đồng, số tiền đã thu là 2.430.520.087 đồng và công nợ cuối kỳ là 660.012.722 đồng mà không có số tiền phải thu khác từ tiền lãi phạt chậm thanh toán hay bồi thường thiệt hại. Điều này thể hiện bên bán chủ động không tính lãi chậm trả. Vì vậy, bên bán yêu cầu bên mua phải trả tiền lãi chậm trả kể từ thời điểm giao hàng là không phù hợp với thực tế trong quan hệ mua bán hàng hóa giữa đôi bên. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày bên mua thanh toán tiền hàng lần sau cùng hết năm 2022 là ngày 01/01/2023 đến ngày bên mua thanh toán hết tiền hàng là ngày 04/4/2023 cụ thể như sau:

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 15/3/2023 là: $660.012.722 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 02 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 13.561.905 \text{ đồng}$.

Từ ngày 16/3/2023 đến ngày 04/4/2023 là: $260.012.722 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 20 \text{ ngày} = 1.424.727 \text{ đồng}$

Như vậy, tổng tiền lãi là: 14.986.632 đồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại. Xét thấy, tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này. Nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với phần yêu cầu được chấp nhận. Nguyên đơn chịu án phí kinh doanh thương mại đối với yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 30, 39, 147, 148, 227, 228, 229, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 84, 117, 137, 143, 357 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 306 Luật thương mại;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH hóa chất Công nghiệp T về việc yêu cầu Công ty TNHH phát triển công nghiệp TOMO Việt Nam thanh toán tiền lãi chậm trả.

Buộc Công ty TNHH phát triển công nghiệp TOMO Việt Nam phải trả cho Công ty TNHH hóa chất Công nghiệp T số tiền lãi chậm trả là: 14.986.632 đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH hóa chất Công nghiệp T về việc yêu cầu Công ty TNHH phát triển TOMO Việt Nam phải thanh toán tiền bồi thường thiệt hại là 76.680.000 đồng

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

3. Về án phí: Công ty TNHH phát triển công nghiệp TOMO Việt Nam phải chịu 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH hóa chất Công nghiệp T phải chịu 5.462.775 đồng. Xác nhận Công ty TNHH hóa chất Công nghiệp T đã nộp số tiền 23.560.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số: AA/2021/0001706 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh. Trả lại Công ty TNHH hóa chất Công nghiệp T số tiền 18.097.225 đồng

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSNDTP Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP. Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ: Văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thanh Ngọc

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Quang Hới

Nguyễn Thị Liên

Đỗ Thanh Ngọc